

Bản án số: 104/2024/DS-ST  
Ngày 17-9-2024  
“V/v Tranh chấp đòi tài sản,  
Công nhận di sản thừa kế”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lưu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hằng
2. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2023/TLST- DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp đòi tài sản, công nhận di sản thừa kế” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐXXST-DS ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

***1.1.*** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1988.

***1.2.*** Bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, sinh năm: 1992.

***1.3.*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm: 1998.

Cùng địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà T1 và bà H:*** ông Trương Thanh V, sinh năm: 1993. Địa chỉ: khu phố I, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.(ông V có mặt)

***2. Bị đơn:*** bà Lê Thị Mỹ H1, sinh năm: 1972. Địa chỉ: 9/7/5 khu phố F thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.(bà H1 có mặt)

***3. Người biết sự việc:*** ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm: 1980. Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long an.(ông T2 có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/4/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H do ông Trương Thanh V đại diện trình bày: Cha bà T, bà T1, bà H là Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1964; nơi thường trú trước khi chết tại: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Đã chết ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo Trích lục khai tử số: 1076TLKT-BS ngày 10/8/2022 của UBND thị trấn T. Mẹ bà T, bà T1, bà H là bà Đặng Thị Thu H2, sinh năm 1966; Hiện cư trú tại: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Ngày 17/6/2014 ông Nguyễn Văn T3 và bà Đặng Thị Thu H2 đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 80/2014/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa. Sau khi ly hôn ông Nguyễn Văn T3 có đưa bà Lê Thị Mỹ H1 về ở chung nhà tại ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An cho đến khi ông T3 chết. Trong thời gian sống chung ông T3 và bà H1 không có đăng ký kết hôn và cũng không có con chung. Năm 2017 ông Nguyễn Văn T3 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 411, tờ bản đồ 17, diện tích 501m<sup>2</sup> đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI 403244 ngày 22/5/2017 do ông Nguyễn Văn T3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ tài sản là nhà và đất này do ông T3 tự bỏ tiền ra mua bà H1 không có đóng góp tiền hoặc công sức gì trong quá trình tạo lập khối tài sản này. Sau khi ông Nguyễn Văn T3 chết bà Lê Thị Mỹ H1 đã chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của ông Nguyễn Văn T3 và bỏ đi nơi khác sinh sống. Bà T, bà T1, bà H đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu bà H1 giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà T, bà T1, bà H làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế mà cha của các bà để lại nhưng bà H1 không đồng ý giao trả lại. Việc bà H1 chiếm giữ trái pháp luật giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha của bà T, bà T1, bà H là ông Nguyễn Văn T3 gây cản trở cho bà T, bà T1, bà H trong quá trình thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế mà cha các bà để lại. Việc làm của bà H1 đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, bà T1, bà H. Nay bà T, bà T1, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Mỹ H1 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 403244 cho bà T, bà T1, bà H. Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 411, tờ bản đồ số 17, số giấy chứng nhận CI 403244 ngày 22/5/2017 do ông Nguyễn Văn T3 đứng tên là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 để lại cho các con là bà T, bà T1, bà H cùng đồng sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên. Ngày 22/4/2024 bà T, bà T1, bà H đã làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu công nhận toàn bộ căn nhà, các công trình kiến trúc và cây trồng trên đất thuộc thửa 411, tờ bản đồ số 17 số giấy chứng nhận CI 403244 ngày 22/5/2017 là di sản thừa kế của ông T3 để lại cho các con là bà T, bà T1, bà H cùng đồng sở hữu. Ông V là người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà T1, bà H thống nhất chứng thư thẩm định giá ngày 20/8/2024 của Công ty cổ phần T4.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1 trình bày: bà H1 và ông T3 được gia đình hai bên đồng ý và chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2019 thì ông T3 chết. Trong thời gian chung sống bà H1 có đem tiền của cá

nhân bà H1 về làm nhà và xây hàng rào với số tiền 80.000.000 đồng. Bà H1 thừa nhận có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 403244 ngày 22/5/2017 do ông Nguyễn Văn T3 đứng tên thửa đất số 411, tờ bản đồ số 17 đất tọa lạc tại ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi ông T3 mất thì bà H1 có đề nghị các con ông T3 trả cho bà H1 số tiền mà bà H1 đã bỏ ra để làm nhà và xây hàng rào là 80.000.000 đồng nhưng các con ông T3 không đồng ý và sau khi ông T3 mất các con ông T3 vô nhà lấy 02 xe gắn máy nhưng không nói với bà H1, bà H1 cũng buồn vì các con ông T3 không tôn trọng không hỏi ý kiến bà H1, xe là tài sản riêng của ông T3 bà H1 không tranh chấp nhưng bà H1 buồn vì các con ông T3 không tôn trọng bà H1 nên bà H1 mới giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T3 chứ bà H1 không có tranh chấp, nếu các con ông T3 trả lại cho bà H1 số tiền 80.000.000 đồng thì bà H1 trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T3. Bà H1 xác định không có yêu cầu tranh chấp chia thừa kế đối với di sản của ông T3 để lại. Bà H1 thống nhất chứng thư thẩm định giá ngày 20/8/2024 của Công ty cổ phần T4.

*Người biết sự việc ông Nguyễn Thanh T2 trình bày:* ông T2 là em ruột ông Nguyễn Văn T3 là chú ruột của bà Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Huỳnh T1 và Nguyễn Thị Quỳnh H. Khoảng năm 2015 gia đình ông T2 gồm mẹ ông T2, dì ruột, ông dưỡng, ông anh cả và ông T2 đến gia đình chị H1 nói chuyện ra mắt hai bên gia đình để cho anh T3 và chị H1 về chung sống với nhau. Đến khoảng năm 2017 anh T3 làm nhà và làm hàng rào xung quanh nhà, anh T3 không đủ tiền nên có hỏi mượn ông T2 nhưng ông T2 không có tiền trùng hợp lúc này chị H1 nghỉ làm bên Công ty C nên chị H1 lãnh tiền bảo hiểm được 80.000.000 đồng đem về đưa anh T3 làm nhà, khi chị H1 đưa tiền có mặt mẹ ông T2 và ông T2 nhưng nay mẹ ông T2 đã chết. Theo ông T2 thì chị H1 không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với anh T3 và được gia đình chấp thuận, chị H1 không yêu cầu chia tài sản gì của anh T3, chỉ yêu cầu các con của anh T3 trả lại số tiền mà chị H1 đã góp vào xây dựng nhà, hiện tại toàn bộ nhà cửa chị H1 đã giao lại cho các con của anh T3 là phù hợp nhưng các con anh T3 không trả tiền cho chị H1 là không đúng. Lúc mẹ ông T2 còn sống cũng kêu các con ông T3 trả tiền cho chị H1 nhưng các con ông T3 không đồng ý nên gia đình ông T2 không nói chuyện với các con của ông T3 từ đó đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa vụ và thực hiện các quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về ý kiến giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H đối với bà Lê Thị Mỹ H1 là tranh chấp đòi tài sản là tranh chấp dân sự theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vị trí thửa đất tranh chấp tọa lạc tại ấp V xã B,

huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Qua lời trình bày của các bên đương sự cùng tài liệu đã thu thập xác định bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H là con chung của ông Nguyễn Văn T3 và bà Đặng Thị Thu H2. Bà H2 và ông T3 đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 80/2014/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa. Sau khi bà H2 và ông T3 ly hôn thì ông T3 được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng nhưng ông T3 và bà H1 không đăng ký kết hôn. Năm 2017 ông Nguyễn Văn T3 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 411, tờ bản đồ 17, diện tích 501m<sup>2</sup> đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 403244 ngày 22/5/2017 do ông Nguyễn Văn T3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông T3 xây nhà và làm hàng rào, tất cả từ việc mua đất và làm nhà đều do tiền riêng của ông T3 bỏ ra. Năm 2019 thì ông T3 chết, sau khi làm đám xong thì bà H1 về quê của bà H1, giao toàn bộ nhà đất cho các con ông T3 quản lý sử dụng nhưng bà H1 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T3. Nay bà T, bà T1, bà H yêu cầu công nhận toàn bộ căn nhà, các công trình kiến trúc và cây trồng trên đất thuộc thửa 411, tờ bản đồ số 17 số giấy chứng nhận CI 403244 ngày 22/5/2017 là di sản thừa kế của ông T3 để lại cho các con là bà T, bà T1, bà H cùng đồng sở hữu và yêu cầu bà H1 giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 403244 cho bà T, bà T1, bà H.

Bà H1 thống nhất khi bà H1 về quê của bà H1 sinh sống thì bà H1 có giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 403244 của ông T3. Lý do bà H1 giữ giấy của ông T3 vì trong quá trình bà H1 về chung sống với ông T3 thì đất là do ông T3 mua nhưng nhà và hàng rào khi ông T3 làm thiếu tiền bà H1 khi đó nghỉ việc ở công ty được rút tiền bảo hiểm và tiền tích lũy của bà H1 tổng cộng là 80.000.000 đồng. Bà H1 đem tiền về phụ ông T3 làm nhà và hàng rào, khi đem tiền về bà H1 có trình với mẹ ông T3 và em của ông T3 là ông Nguyễn Thanh T2. Bà H1 yêu cầu bà T, bà T1, bà H là các con của ông T3 hoàn trả cho bà H1 số tiền 80.000.000 đồng mà bà H1 đã đem về phụ ông T3 làm nhà và hàng rào thì bà H1 sẽ trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T3. Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh T2 xác định bà H1 có đem 80.000.000 đồng về phụ ông T3 làm nhà và hàng rào. Vì khi ông T3 làm nhà thì chỉ che đờ cái trại để vật liệu xây dựng còn ông T3 và bà H1 về ở chung nhà với cha mẹ ông T3, do ông T2 là con út nên ông T2 cũng ở đó, ông T2 là thợ hồ và ông T2 phụ ông T3 xây nhà, tiền làm nhà là ông T3 gửi ông T2 giữ dùm vì ông T3 không có chỗ cất tiền. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã làm việc với bà H1 đối với yêu cầu bà T, bà T1, bà H trả cho bà H1 80.000.000 đồng thì bà H1 phải có đơn yêu cầu. Bà H1 xác định không tranh chấp yêu cầu chia thừa kế di sản của ông T3 để lại mà chỉ yêu cầu bà T, bà T1, bà H trả cho bà H1 80.000.000 đồng nhưng bà H1 không có đơn yêu cầu. Trường hợp bà H1 có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T1, bà H là phù hợp nên chấp nhận.

Về lệ phí thẩm định giá: bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H ứng nộp 17.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá bà T, bà T1, bà H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[3] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu đòi tài sản của bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H được chấp nhận nên bà Lê Thị Mỹ H1 phải chịu tiền án phí. Yêu cầu công nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H được chấp nhận nên bà T, bà T1, bà H phải liên đới chịu án phí theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612; Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H đối với bà Lê Thị Mỹ H1 về yêu cầu đòi tài sản và yêu cầu công nhận di sản thừa kế.

Xác định phần đất thuộc thửa 411 tờ bản đồ số 17 diện tích 501m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An và toàn bộ động sản, cây trồng trên đất là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 để lại cho bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H đồng sở hữu.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Buộc bà Lê Thị Mỹ H1 giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 403244 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 22/5/2017 do ông Nguyễn Văn T3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất theo quyết định bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Trường hợp bên phải thi hành án không nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp) phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Về lệ phí thẩm định giá: bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H ứng nộp 17.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá bà T, bà T1, bà H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H phải liên đới chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006456 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh H 8.100.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa theo biên lai thu số 0008338 ngày 22/4/2024; 0006454 ngày 23/10/2023 và 0006455 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Buộc bà Lê Thị Mỹ H1 phải chịu 300.000 đồng án phí.

Án này xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết nếu không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/9/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

**Nguyễn Lưu Thủy**